

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NGÀNH THỦY SẢN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN Mã số học phần: 350003

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: ĐỘNG THỰC VẬT THỦY SINH

Tên Tiếng Anh: Aquatic plants and animals

Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn: THỦY SẢN
- Khoa: NÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Số tín chỉ: 2 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành/ thí nghiệm)

Phân bố thời gian: 10 tuần (4 tuần học lý thuyết và 6 tuần học thực hành) (4 tiết lý thuyết/tuần + 5 tiết thực hành/tuần). Lý thuyết học trước và thực hành học sau.

Học kỳ: 2 (học kỳ 2 năm thứ 1)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- GV phụ trách chính: Dương Hoàng Oanh (SĐT: 0914.070.666; Email: dhoanh@tvu.edu.vn)
- Danh sách giảng viên cùng GD: Phạm Thị Bình Nguyên (SĐT: 0978.755.895; Email: phamnguyen@tvu.edu.vn)

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Môn học tiên quyết: Sinh học đại cương
- Môn học trước hoặc song song: không

Học phần thuộc khối kiến thức:

| Đại cương <input type="checkbox"/> | | Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/> | | | | | |
|------------------------------------|----------------------------------|---|--------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> | | Chuyên ngành <input type="checkbox"/> | Chuyên sâu <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Lần biên soạn/hiệu chỉnh

- Lần thứ: 2

- Ngày hiệu chỉnh: 23/5/2018

- Lý do và nội dung hiệu chỉnh:

(a) Thiết kế mới theo chương trình cải tiến AUN-QA (version 2018)

(b) Cập nhật đề cương môn học hàng năm theo Qui định của Trường Đại học Trà Vinh: cập nhật nội dung, PPGD tích cực và Rubric đánh giá.

III. Mô tả học phần

Môn học nhằm giới thiệu cho sinh viên kiến thức về đặc điểm sinh học của các ngành tảo và động vật thủy sinh, phân bố và ứng dụng của chúng trong nuôi trồng thủy sản; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nhận dạng hình dạng của các ngành tảo và động vật thủy sinh và giáo dục cho sinh viên thái độ: tỷ mỷ, vệ sinh, an toàn, tuân thủ các nguyên tắc thực hiện trong việc nhận dạng hình dạng các loài tảo và động vật thủy sinh, ứng dụng vai trò của chúng trong ao nuôi.

IV. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

* **Mục tiêu:** Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: đặc điểm sinh học của các ngành tảo và động vật thủy sinh. Phân bố và ứng dụng của chúng trong nuôi trồng thủy sản. Rèn luyện cho sinh các kỹ năng về nhận dạng, phân loại hình dạng của các giống/loài thuộc ngành tảo và động vật thủy sinh có lợi và có hại trong nuôi thủy sản. Giáo dục cho sinh viên thái độ tỷ mỷ, vệ sinh, an toàn, tuân thủ các nguyên tắc thực hiện trong việc nhận dạng hình dạng các giống/loài tảo và động vật thủy sinh, ứng dụng vai trò của chúng trong ao nuôi.

* Kết quả học tập mong đợi của học phần:

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau: (*Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix : Sự đóng góp của mỗi học phần cho ELOs của CTĐT*).

N : Không đóng góp/không liên quan

S : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều

H : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

| Mã HP | Tên HP | Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT | | | | | | | | | | |
|-------|--------|---|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|-------|-------|
| | | ELO 1 | ELO 2 | ELO 3 | ELO 4 | ELO 5 | ELO 6 | ELO 7 | ELO 8 | ELO9 | ELO10 | ELO11 |
| ĐTVTS | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S |

| Ký hiệu | KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được | | | CDR của CTĐT |
|---------|---|--|--|--------------|
| | Kiến thức | | | |
| CELO1 | Ap dụng đặc điểm sinh học và vai trò của các ngành thực vật và động vật thủy sinh trong quá trình nuôi thủy sản | | | ELO1 |
| CELO2 | Phân tích thành phần loài, sinh vật lượng động vật phù du, thực vật phù du trong ao nuôi | | | ELO2, ELO3 |
| CELO3 | Đánh giá các dấu hiệu bất thường của động vật phù du, thực vật phù du trong quá trình nuôi thủy sản | | | ELO3, ELO4 |
| Kỹ năng | | | | |
| CELO4 | Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm | | | ELO6 |
| CELO5 | Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và viết báo cáo | | | ELO7 |

| | | |
|----------------|--|------------------------|
| CELO6 | Phân loại thành phần loài, sinh vật lượng tảo trong ao nuôi | ELO5, ELO6, ELO8, ELO9 |
| CELO7 | Nhận biết mật độ tảo trong ao nuôi và tư vấn giải pháp thực hiện | ELO5, ELO6, ELO8, ELO9 |
| Thái độ | | |
| CELO8 | Thể hiện ý thức đạo đức nghề nghiệp | ELO10 |
| CELO9 | Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu | ELO11 |

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Diễn giảng bằng powerpoint, đặt câu hỏi kết hợp trình chiếu video, poster hình ảnh mẫu vật
- Thảo luận nhóm.
- Thực hiện thao tác mẫu

2. Phương pháp học tập

- Lắng nghe, trả lời câu hỏi
- Đọc tài liệu và báo cáo chuyên đề, nhận xét, phản biện, đánh giá.
- Thực hành: Quan sát thao tác mẫu và thực hiện độc lập; báo cáo tổng kết phần thực hành.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự ít nhất 70% cho phần lý thuyết và 90% cho phần thực hành.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải đọc tài liệu giảng dạy, sách tham khảo và tìm kiếm tài liệu do giảng viên cung cấp và giới thiệu.
- Thái độ: tích cực tham gia đặt câu hỏi, nhận xét, phản biện, đánh giá và cầu thị.

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Trọng số: Đánh giá quá trình: 50% Thi cuối kỳ: 50%

VIII. Nội dung môn học

1. Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80% thời lượng giảng dạy):

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: đặc điểm sinh học, phân bố, phân loại và ứng dụng của chúng trong nuôi trồng thủy sản.

2. Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Kỹ năng làm việc độc lập khi thu mẫu nước ao nuôi, xử lý và vận chuyển mẫu nước, giao tiếp với chủ trang trại nuôi thủy sản, tổng hợp thông tin viết báo cáo;

Phương pháp đánh giá:

| Chương | CELOs | Hình thức đánh giá | Nội dung đánh giá |
|--|----------------------|---|---|
| Chương 1: Đặc điểm sinh học của các ngành thực vật thủy sinh | CELO1, CELO4, CELO5, | Câu hỏi ngắn Câu hỏi thảo luận nhóm Thi trắc nghiệm trên giấy | Chọn các giống loài thực vật thủy sinh mà em biết trong bộ sưu tập hình ảnh So sánh |

| | | | |
|--|---|---|---|
| | CELO9 | | sự khác nhau giữa thực vật thủy sinh bậc thấp (tảo) và thực vật bậc cao So sánh sự giống nhau và khác nhau của các ngành thực vật thủy sinh |
| Chương 2: Đặc điểm sinh học của các ngành động vật thủy sinh | CELO1, CELO4, CELO5, CELO9 | Câu hỏi ngắn Câu hỏi thảo luận nhóm Thi trắc nghiệm trên giấy | Chọn hình ảnh các giống loài động vật thủy sinh mà em biết trong bộ sưu tập So sánh các đặc điểm sinh học của các ngành động vật thủy sinh để xác định chúng là nhóm động vật thủy sinh bậc thấp. |
| Chương 3: Vai trò của các ngành động vật, thực vật thủy sinh | CELO1, CELO3, CELO4, CELO5, CELO8, CELO9 | Câu hỏi ngắn Câu hỏi thảo luận nhóm Thi trắc nghiệm trên giấy | Kể tên các loài sống dưới nước có giá trị kinh tế và làm sạch môi trường Xác định vai trò của các ngành động thực, vật thủy sinh ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản |
| Chương 4: Phân loại thực vật thủy sinh | CELO2, CELO3, CELO4, CELO5, CELO6, CELO7, CELO8, CELO9 | Bài tập ngắn Thực hành thao tác phân loại, nhận dạng chính xác các giống/loài thực vật thủy sinh trên kính hiển vi Chấm điểm quyền báo cáo thực hành Thi trắc nghiệm trên giấy | Xác định đúng khóa phân loại của 1 giống thực vật thủy sinh mà em chọn (chọn trong sách hoặc trên internet) Phân loại và xác định đúng tên thực vật thủy sinh Thực hiện bộ sưu tập hình ảnh các giống loài thực vật thủy sinh mà em đã học tại phòng thí nghiệm |
| Chương 5: Phân loại động vật thủy sinh | CELO2, CELO3, CELO4, CELO5, CELO6, CELO7, CELO8, CELO9 | Bài tập ngắn Thực hành thao tác phân loại, nhận dạng chính xác các giống/loài động vật thủy sinh trên kính hiển vi hoặc kính lúp Chấm điểm quyền báo cáo | Xác định đúng khóa phân loại của 1 giống động vật thủy sinh mà em chọn (chọn trong sách hoặc internet) Phân loại và xác định đúng tên động vật thủy sinh Thực hiện bộ sưu tập hình |

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | thực hành Thi trắc nghiệm trên giấy | nhận các giống loài động vật thủy sinh mà em đã học tại phòng thí nghiệm |
|--|--|--|--|

Bảng 1. Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần

| Các KQHTMĐ của HP | Câu hỏi ngắn (10%) | Thuyết trình (20%) | Thực hành (20%) | Thi cuối kỳ (50 %) |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| CELO1 | X | X | X | X |
| CELO2 | X | X | X | X |
| CELO3 | X | X | X | X |
| CELO4 | X | X | X | |
| CELO5 | X | X | X | |
| CELO6 | X | X | X | X |
| CELO7 | X | X | X | X |
| CELO8 | X | X | X | |
| CELO9 | X | X | X | |

IX. Nội dung chi tiết của học phần

A. Phần lý thuyết (4 tuần)

| Tuần | Nội dung chi tiết | KQHTMĐ của học phần |
|------|---|--|
| 1 | Chương 1: Đặc điểm sinh học của các ngành thực vật thủy sinh (3 tiết) | CELO1, CELO4, CELO5, CELO9 |
| 1, 2 | Chương 2: Đặc điểm sinh học của các ngành động vật thủy sinh (3 tiết) | CELO1, CELO4, CELO5, CELO9 |
| 2, 3 | Chương 3: Vai trò của các ngành động thực vật thủy sinh (3 tiết) | CELO1, CELO3, CELO4, CELO5, CELO8, CELO9 |
| 3, 4 | Chương 4: Phân loại thực vật thủy sinh (3 tiết) | CELO2, CELO3, CELO4, CELO5, CELO6, CELO7, CELO8, CELO9 |
| 4 | Chương 5: Phân loại động vật thủy sinh (3 tiết) | CELO2, CELO3, CELO4, CELO5, CELO6, CELO7, CELO8, CELO9 |

B. Phần thực hành (6 tuần)

| Tuần | Nội dung chi tiết | KQHTMD của học phần |
|---------|--|--|
| 1 | Bài 1: Thu mẫu động thực vật thủy sinh trong ao nuôi | CELO1, CELO3, CELO4, CELO8, CELO9 |
| 2, 3, 4 | Bài 2: Phân loại các loài thực vật thủy sinh | CELO2, CELO3, CELO4, CELO5, CELO6, CELO7, CELO8, CELO9 |
| 5, 6 | Bài 3: Phân loại các loài động vật thủy sinh | CELO2, CELO3, CELO4, CELO5, CELO6, CELO7, CELO8, CELO9 |

X. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

- Giáo trình chính:

- Dương Hoàng Oanh, 2014. Giáo trình Động thực vật thủy sinh. Tài liệu nội bộ. Đại học Trà Vinh.

- Sách tham khảo:

- AKHHKOSHIROTA, 1999. The Plankton of south VietNam Fresh Water and Marine Plankton. FAO
- Đặng Diễm Hồng và Hoàng Thị Lan Anh, 2016. Vi tảo biển dị dưỡng Labyrinthula, Schizochytrium, thraustochytrium mới ở Việt Nam: tiềm năng và thách thức. NXB Khoa học Tự nhiên và công nghệ.
- Hồ Trọng Nguyên, 2015. Kỹ thuật nuôi thủy sản (Sò huyết, Ngao, Bào Ngư, Hào, Tu hài), NXB Phương đông.
- Lê Như Hậu và Nguyễn Hữu Đại, 2010. Rong câu Việt Nam nguồn lợi và sử dụng. Viện khoa học và công nghệ Việt Nam. NXB Khoa học Tự nhiên và công nghệ.
- Nguyễn Đình Mão và Vũ Trung Tạng, 2016. Sinh thái thủy sinh vật. NXB nông nghiệp
- Renoyld, C.S.,2006. Ecology of phytoplankton. Cambridge University Press.
- Vũ Ngọc Út và Dương Thị Hoàng Oanh, 2013. Thực vật và động vật thủy sinh. Trường Đại học Cần Thơ.

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: phòng học lý thuyết, phòng thí nghiệm vi tảo
- Phương tiện phục vụ giảng dạy lý thuyết: projector, Poster, giấy A0, Bút viết lông, bảng, phấn
- Phương tiện phục vụ giảng dạy thực hành: các nguyên vật liệu, dụng cụ, thiết bị phục vụ dạy thực hành tại phòng thí nghiệm

Trà Vinh, ngày 5. tháng 8. năm 2018

P. TRƯỞNG BỘ MÔN
(Kí và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA
(Kí và ghi rõ họ tên)



Lâm Thái Hùng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Kí và ghi rõ họ tên)

Dương Hoàng Oanh

PHỤ LỤC

KHOA NÔNG NGHIỆP – THỦY SẢN

BỘ MÔN THỦY SẢN

LỚP:

MÃ LỚP:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Họ và tên (giảng viên đánh giá):
2. Chức danh, học vị:
3. Đơn vị công tác:
4. Họ và tên sinh viên thực hiện:
5. Môn học:
6. Địa điểm thực hiện:.....
7. Thời gian đánh giá:.....

Rubric 1: Đánh giá CÂU HỎI NGẮN

| Tiêu chí | Điểm số (Thang điểm 10) | Mức chất lượng | | | |
|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|----------------------------|
| | | Tốt | Khá | Trung bình | Kém |
| | | 100% | 75% | 50% | 0% |
| Chất lượng câu hỏi | 4 | Sáng tạo, phù hợp | Phù hợp | Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp | Không phù hợp |
| Chất lượng đóng góp ý kiến | 4 | Phân tích, đánh giá đầy đủ, đúng và logic | Phân tích, đánh giá đúng nhưng chưa đầy đủ và logic | Phân tích, đánh giá logic nhưng chưa đủ | Phân tích, đánh giá lạc đề |
| Mức độ tham gia | 2 | >4 lượt | 3-4 lượt | 1-2 lượt | Không tham gia |

Rubric 2: Đánh giá THUYẾT TRÌNH

| Tiêu chí | Điểm số (Thang điểm 10) | Mức chất lượng | | | |
|--------------------------|----------------------------|--|--|--|---|
| | | Tốt | Khá | Trung bình | Kém |
| | | 100% | 75% | 50% | 0% |
| Tham dự lớp | 1 | Tích cực tham gia các hoạt động | Thường xuyên tham gia các hoạt động | Ít tham gia các hoạt động | Không tham gia các hoạt động |
| | 1 | Tham gia đặt câu hỏi và phản biện câu hỏi >3 lần trong các buổi báo cáo thuyết trình | Tham gia đặt câu hỏi và phản biện câu hỏi >2 lần trong các buổi báo cáo thuyết trình | Tham gia đặt câu hỏi và phản biện câu hỏi >1 lần trong các buổi báo cáo thuyết trình | Không tham gia đặt câu hỏi và phản biện câu hỏi trong các buổi báo cáo thuyết trình |
| Nội dung | 1 | Phong phú (Đầy đủ nội dung, hình ảnh đẹp và phù hợp nội dung, có video minh họa, logic, lôi cuốn người nghe) | Đầy đủ (đầy đủ nội dung, hình ảnh phù hợp, có video) | Khá đầy đủ (thiếu 1 nội dung quan trọng) | Chưa đầy đủ (Thiếu nhiều nội dung quan trọng) |
| Hình thức | 1 | Đẹp (video rõ, hình ảnh sắc nét, slide hài hòa, nhiều sơ đồ, bảng biểu, thu hút ánh nhìn) | Hài hòa (slide hài hòa, có hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thu hút ánh nhìn) | Rõ ràng (rõ ràng về font chữ, thiếu hình ảnh, bảng biểu) | Chưa đẹp (nhiều font chữ, nhiều chữ trên 1 slide, không thu hút ánh nhìn) |
| Trình bày báo cáo | 1 | Mạch lạc, rõ ràng | Khá mạch lạc, rõ ràng | Tương đối rõ ràng | Thiếu rõ ràng |
| | 2 | Lập luận khoa học và logic | Lập luận khá khoa học và logic, còn một vài sai sót nhỏ | Lập luận có dựa vào căn cứ khoa học nhưng còn một sai sót quan trọng | Lập luận không có căn cứ khoa học và logic |
| Tương tác với người nghe | 1 | Tương tác tốt (cử chỉ, ánh mắt, thái độ cầu thị) | Tương tác khá tốt (cử chỉ, ánh mắt, 1 vài sai sót về thái độ cầu thị) | Tương tác ít (cử chỉ, ánh mắt, thái độ cầu thị) | Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác |
| | 1 | Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng tất cả các câu hỏi quan trọng | Trả lời khá thỏa đáng đa số câu hỏi quan trọng | Trả lời tương đối thỏa đáng một số câu hỏi quan trọng, còn nhiều câu chưa trả lời được | Trả lời sai tất cả các câu hỏi quan trọng |

| | | | | | |
|--------------------------|---|-------------------|-----------------------|---------------------------------|----------------------------|
| * Sự phối hợp trong nhóm | 1 | Nhóm phối hợp tốt | Nhóm phối hợp khá tốt | Nhóm có phối hợp nhưng chưa tốt | Không thể hiện sự phối hợp |
|--------------------------|---|-------------------|-----------------------|---------------------------------|----------------------------|

Rubric 3: Đánh giá THỰC HÀNH THÍ NGHIỆM

| Tiêu chí | Điểm (Thang điểm 10) | Mức chất lượng | | | |
|--|----------------------|--|--|---|--|
| | | Tốt | Khá | Trung bình | Kém |
| | | 100% | 75% | 50% | 0% |
| Thái độ tham dự | 1 | Tích cực tham gia chuẩn bị dụng cụ và vệ sinh dụng cụ, phòng thí nghiệm thường xuyên | Thường xuyên tham gia chuẩn bị dụng cụ và vệ sinh dụng cụ, phòng thí nghiệm | Ít tham gia chuẩn bị dụng cụ và vệ sinh dụng cụ, phòng thí nghiệm | Không tham gia chuẩn bị dụng cụ và vệ sinh dụng cụ, phòng thí nghiệm |
| *Thực hiện thao tác thu mẫu và phân loại sinh vật phù du trong ao nuôi | 5 | Đạt kết quả tốt | Đạt kết quả tốt nhưng còn sai sót nhỏ | Đạt kết quả nhưng có 1-2 sai sót quan trọng | Không đạt kết quả |
| Quản lý và ghi chép mẫu | 1 | Ghi chép đầy đủ, có lưu ý trường hợp lạ | Ghi chép đầy đủ | Ghi chép thiếu kết quả quan trọng | Không chi chép |
| Dánh giá kết quả thực hiện | 1 | Giải thích và lập luận rõ ràng | Giải thích khá rõ ràng, còn vài sai sót trong lập luận | Giải thích tương đối rõ ràng, còn sai sót quan trọng trong lập luận | Không giải thích được |
| Báo cáo kết quả thực hiện | 2 | Đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các nội dung và hình ảnh đã thực hiện tại phòng thí nghiệm | Khá đầy đủ và đáp ứng khá tốt các nội dung và hình ảnh đã thực hiện, còn sai sót nhỏ | Tương đối đầy đủ và đáp ứng tương đối các nội dung và hình ảnh, có 1 sai sót quan trọng | Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu |

Rubric: Đánh giá *THỰC HIỆN THAO TÁC THU MẪU VÀ PHÂN LOẠI SINH VẬT PHÙ DU TRONG AO NUÔI

| Tiêu chí | Điểm (Thang điểm 10) | Mức chất lượng | | | |
|---------------------|----------------------|--|---|---|--|
| | | Tốt | Khá | Trung bình | Kém |
| | | 100% | 75% | 50% | 0% |
| Phương pháp lấy mẫu | 1 | Thực hiện các bước đúng yêu cầu, không sai sót | Thực hiện các bước đúng yêu cầu nhưng còn sai sót nhỏ | Thực hiện các bước đúng yêu cầu nhưng có sai sót quan trọng | Thực hiện các bước có nhiều sai sót quan trọng |

| | | | | | |
|-------------------------------------|---|---|--|-------------------------------------|--------------------------------------|
| vật | | | | | |
| Chọn mẫu | 2 | Lấy đúng mẫu, có mẫu, mẫu nước không lem, không tràn ra lamel | Có mẫu, mẫu nước không lem, không tràn ra lamel | Có mẫu, nước tràn ra lamel | Không có mẫu, mẫu nước tràn ra lamel |
| Phát hiện mẫu vật trên kính hiển vi | 1 | Thấy mẫu vật rõ, sắc nét, Nhanh <30 giây | Thấy mẫu vật rõ, sắc nét, Nhanh từ 30 giây đến 60 giây | Thấy mẫu vật rõ, sắc nét, > 60 giây | Không thấy mẫu |
| Phân loại tên mẫu vật | 6 | Gọi đúng tên mẫu vật | - | - | Xác định tên sai |